TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2024
V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quan Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Trung Hiếu và ông Phạm Văn Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Lương Nguyễn Thảo Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72a/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Hà Thị V, sinh năm 1987.
Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
- Bị đơn: Anh Nông Văn S, sinh năm 1983.
Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị V trình bày:

Chị và anh Nông Văn S sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện quyết định chung sống từ cuối năm 2007, anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau đó anh chị về chung sống tại thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2008 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh S không quan tâm đến chị và con, thường xuyên uống rượu và chửi mắng chị. Do mâu thuẫn trầm trọng nên

chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở. Đến năm 2017 do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đi làm Công ty ở Hà Nội, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh S là vợ chồng.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nông Quốc D, sinh ngày 01/06/2007 và cháu Nông Quốc B, sinh ngày 07/08/2015. Chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung là cháu Nông Quốc D và cháu Nông Quốc B cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng cho con hàng tháng do công việc của chị chưa ổn định.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Anh chị không có nợ chung, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết bị đơn anh Nông Văn S trình bày: Anh và chị Hà Thị V sau một thời gian tìm hiểu đã quyết định chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời điểm về chung sống với nhau là năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã. Sau đó, anh và chị V chung sống với nhau tại thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị V đi làm ăn ở Hà Nội từ năm 2018, thi thoảng chị V có về thăm con và gia đình. Đến cuối năm 2023 đầu năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, do chị V đi làm ăn xa nên tình cảm xa cách. Nay chị V đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng anh nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nông Quốc D, sinh ngày 01/06/2007 và cháu Nông Quốc B, sinh ngày 07/08/2015. Hiện nay hai cháu đang ở cùng anh tại thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho anh trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cháu D đã sắp đến tuổi trưởng thành nên anh không đề nghị chị V phải cấp dưỡng nuôi cháu D. Anh S yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi cháu Nông Quốc B số tiền 1.000.000 đồng / tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án chị V nhất trí với yêu cầu của anh Nông Văn S về việc cấp dưỡng nuôi cháu Nông Quốc B.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh chị không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y được Công chức Tư pháp xã cung cấp thông tin sự việc như sau: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn và các tài liệu liên quan từ năm 2007 đến nay do Ủy ban nhân dân xã L quản lý không có thông tin

đăng ký kết hôn của chị Hà Thị V và anh Nông Văn S. UBND xã L, huyện Y xác nhận chị Hà Thị V và anh Nông Văn S không đăng ký kết hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị tuyên xử không công nhận chị Hà Thị V và anh Nông Văn S là vợ chồng;

Về con chung: Giao cháu Nông Quốc D, sinh ngày 01/06/2007 và cháu Nông Quốc B, sinh ngày 07/08/2015 cho anh Nông Văn S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Hà Thị V phải cấp dưỡng nuôi cháu Nông Quốc B số tiền 1.000.000 đồng / tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung; vay nợ chung: Chị Hà Thị V và anh Nông Văn S không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Chị Hà Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng; anh Nông Văn S không phải chịu án phí. Chị Hà Thị V và anh Nông Văn S được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các quy định của pháp luật.Tòa án nhận định:

[1].Về tố tụng: Chị Hà Thị V và anh Nông Văn S chung sống với nhau từ năm 2007 tại Thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, nhưng không đăng ký kết hôn. Chị Hà Thị V có đơn khởi kiện đề nghị Toà án không công nhận chị và anh Nông Văn S là vợ chồng, giải quyết về con chung. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về xác định quan hệ hôn nhân của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận định:

- Về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng: Chị Hà Thị V và anh Nông Văn S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kết quả xác minh tại UBND xã L, huyện Y xác định giữa chị Hà Thị V và anh Nông Văn S không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chị V và anh S xảy ra mâu thuẫn, không hòa thuận do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh chị đã không chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Hội đồng xét xử thấy việc nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà yêu cầu giải quyết thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Do vậy, chị V yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Nông Văn S là đúng quy định tại khoản 1, Điều 14 và khoản 2, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận là phù hợp.

- Về con chung: Chị Hà Thị V và anh Nông Văn S có 02 con chung là cháu Nông Quốc D, sinh ngày 01/06/2007 và cháu Nông Quốc B, sinh ngày 07/08/2015. Hiện nay cháu D và cháu B do anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu D và cháu B đều có nguyện vọng được ở cùng với anh S. Chị V đồng ý giao hai con chung cho anh S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 nên cần chấp nhận.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng, mức cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng nuôi con chung:

Cháu Nông Quốc D đã sắp đến tuổi trưởng thành nên anh S không đề nghị chị V phải cấp dưỡng nuôi cháu Dương nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh S yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi cháu Nông Quốc B, sinh ngày 07/8/2015 số tiền là 1.000.000 đồng / tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án chị V nhất trí với yêu cầu của anh Nông Văn S về việc cấp dưỡng nuôi cháu Nông Quốc B. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp nên cần chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 83, Điều 107, 110, 116, 117, 119 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung: Các đương sự xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQHH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Buộc chị Hà Thị V phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Tổng cộng chị V phải chịu 600.000 đồng *(Sáu trăm nghìn đồng)* án phí. Chị V đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000141 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị V còn phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí. Anh Nông Văn S không phải chịu án phí.

[6].Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 14; 15; 53; 58; khoản 1 Điều 81; khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 83, Điều 107, 110, 116, 117, 119 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hà Thị V và anh Nông Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Quốc D, sinh ngày 01/06/2007 và cháu Nông Quốc B, sinh ngày 07/08/2015 cho anh Nông Văn S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Hà Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Hà Thị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nông Quốc B, sinh ngày 07/08/2015 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi số tiền 1.000.000 đồng/ tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Khoản tiền cấp dưỡng trên, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí: Chị Hà Thị V phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Tổng cộng chị V phải chịu 600.000 đồng *(Sáu trăm nghìn đồng)* án phí. Chị V đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000141 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị V còn phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí. Anh Nông Văn S không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- CCTHADS huyện Yên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Quan Thị Thu Trang